

## Bài thứ Bốn Mười Sáu

楚 漢 爭  
Sở: nước Sở Hán: nước Hán Tranh: dành nhau

高 祖 興  
Cao Tổ: vua Cao Tổ Hưng: dấy lên

漢 業 建  
Hán: nhà Hán Nghiệp: công việc làm Kiến: xây dựng

至 孝 平  
Chí: đến Hiếu Bình: vua Hiếu Bình

王 莽 篡  
Vương Mãng: ông vương Mãng Soán: cướp ngôi

### Diễn âm

Sở Hán tranh, Cao Tổ hưng, Hán nghiệp kiến. Chí Hiếu Bình, Vương Mãng soán.

### Diễn nghĩa

Nước Sở, nước Hán dành ngôi nhà Tần, vua Cao Tổ khởi lên, dựng nghiệp nhà Hán. Đến đời vua Hiếu Bình, bị Vương Mãng cướp ngôi.

Hãng Võ, nước Sở và Lưu Bang nhà Hán dành ngôi nhà Tần. Hán vương Lưu Bang diệt được nước Sở, lên ngôi vua gọi là vua Cao Tổ nhà Tây Hán.

Nhà Tây Hán truyền được 11 đời ( - 206 - - 6 ), đến vua thứ 12 là Bình Đế bị triều thần là Vương Mãng cướp ngôi .

Nhà Hán sai Mã Viện sang đánh Hai Bà Trưng, hai bà thua phải tuấn tiết ở Hát Giang.

Mã Viện tịch thu trống Đồng của ta về đúc ngựa. Trống đồng là di sản văn hoá của Việt tộc, tịch thu trống Đồng để tiêu diệt nền Văn hoá của dân tộc Việt . Ngựa là phương tiện hữu hiệu của đoàn quân du mục phương Bắc đi đánh chiếm phương Nam. ( Đoàn ngựa của quân Mông Cổ Cày nát cả Âu Á thời nhà Nguyên )

## Bài thứ Bốn Mười Bảy

光 武 興  
Quang Võ: vua Quang Võ Hưng: nổi lên

為 東 漢  
Vi: làm **Đông Hán:** nhà Đông Hán

四 百 年  
Tứ: bốn **Bách:** trăm **Niên:** năm

終 於 獻  
**Chung:** hết, cuối cùng **Ư:** tới **Hiển:** vua Hiến

Diễn âm

Quang Võ hưng, vi Đông Hán, tứ bách niên, Chung Ư Hiến.

**Diễn nghĩa**

*Vua Quang Võ nổi lên, lập nhà Đông Hán, được bốn trăm năm, cuối cùng là vua Hiến.*

*Vua Quang Võ tên là Lưu Tú, khôi phục cơ nghiệp nhà Hán, dời đô qua Lạc Dương, gọi là Đông Hán. Từ Cao Tổ của Tây Hán đến vua Hiến Đế của Đông Hán được 425 năm (- 206 - + 219), bị quyền thần Tào Phi cướp ngôi.*

**Bài thứ Bốn Mươi Tám**

魏 蜀 吳  
**Ngụy:** nhà Ngụy **Thục:** nhà Thục **Ngô:** nhà Ngô

爭 漢 鼎  
**Tranh:** dành **Hán:** nhà Hán **Đỉnh:** cái vạc

號 三 國  
**Hiệu:** gọi là **Tam:** ba **Quốc:** Nước

迄 雨 晉  
**Ngật:** tới **Lưỡng:** hai **Tân:** nhà Tân

宋 齊 繼  
**Tống:** nhà Tống **Tề:** nhà Tề **Kế:** nối tiếp

梁 陳 豕  
**Lương:** nhà Lương **Trần:** nhà Trần **Thừa:** tiếp

為 南 朝  
**Vi:** làm, là **Nam:** phương Nam **Triều:** thời đại ông vua ở ngôi

都 金 陵  
**Đô:** Đóng đô **Kim Lăng:** Đất Kim Lăng

### Diễn âm

Ngụy Thục Ngô, tranh Hán đình, hiệu Tam quốc. Ngật lương Tấn, Tống Tề kế, Lương Trần thừa, vi Nam triều, đô Kim Lăng.

### Diễn nghĩa

*Nước Ngụy, nước Thục, nước Ngô* dành vạc (ngôi vua) nhà Hán, gọi là **Tam quốc** (ba nước). Rồi đến hai nhà **Tấn: Tây Tấn, Đông Tấn** liên tiếp nhau. Nhà **Tống dứt, kế nhà Tề, nhà Lương** hết, tới nhà **Trần**, đó là **Nam Triều**, đóng đô ở **Kim Lăng**.

Từ vua **Cao Tổ Tây Hán** cho tới vua **Hiển Đế Đông Hán** được 425 năm (- 206 - +219) bị quyền thần **Ngụy vương Tào Phi** cướp ngôi.

**Thục Hán Lưu Bị**, dòng giống nhà Hán, cát cứ **Tây Thục** chiếm 1/3 thiên hạ, truyền hai đời đến **Hậu Đế** hàng về **Tây Tấn**, được 42 năm (221 – 263) **Tào Phi** con vua **Tào Tháo** cướp ngôi nhà Hán chiếm 1/3 thiên hạ, truyền 5 đời, đến **Nguyên Đế** **TRAO NGÔI CHO Tây Tấn** được 44 năm (220 – 264). **Ngô Tôn Quyền** em của **Tôn Sách**, cát cứ **Đông Ngô**, được 1/3 thiên hạ, truyền đến **Tôn Hao** hàng về **Tây Tấn**, bốn đời được 58 năm (222 – 280). Thuở ấy thiên hạ Trung quốc chia ba, gọi là **Tam Quốc**. Vạc là của báu truyền quốc.

**Tư Mã Viêm** cướp ngôi của chúa **Ngụy**, đánh diệt **Thục**, **Ngô** truyền 4 đời được 51 năm (265 – 316). Từ **Võ Đế** **Viêm** đến **Mẫn Đế**! Nghiệp hàng về **Hán Lưu Diêu**, 4 đời đóng tại **Lạc Dương**, gọi là **Tây Tấn**. **Nguyên Đế** khôi phục nhà **Tấn**, đóng đô tại **Kiến Khương**, kêu là **Đông Tấn**, truyền 11 đời, đến **Cung Đế Đức Văn** trao ngôi cho **Tống Lưu Dụ** được 102 năm (317 – 419).

Thuở ấy thiên hạ chia ra làm hai, gọi là **Nam Bắc Triều**. **Nam triều** thì **Tống: Lưu Dụ, Tề: Tiêu Đạo Thành, Lương là Tiêu Diễn, Trần: Trần Bá Tiên**, 4 nhà nối nhau đóng đô ở **Kim Lăng**.

### Bài thứ Bốn Mười Chín

北 元 魏

Bắc: phía Bắc Nguyên: nhà Nguyên Ngụy: nhà Ngụy

分 東 西

Phân: chia Đông: phía Đông Tây: phía Tây

宇 文 周

Vũ Văn: Họ Vũ Văn Châu, Chu: nhà Chu

興 高 齊

Dữ: Vời Cao: họ Cao Tề: nhà Tề

迨 至 隋

Đãi: kịp Chí: đến Tùy: nhà Tùy

一 土 宇

**Nhất:** một      **Thổ:** Đất      **Vũ:** cõi ( không gian )

不                      再                      傳  
**Bất:** chẳng      **Tái:** hai lần      **Truyền:** trao cho

失                      統                      緒  
**Thất:** mất      **Thống:** quản lý mọi việc      **Tự:** mối manh

### Diễn âm

**Bắc Nguyên Ngụy, phân Đông Tây, Vũ Văn Chu, dũ Cao Tề, đái chí Tuỳ, nhất thổ Vũ, bất tái truyền, thất thống tự .**

### Diễn nghĩa

Ở Bắc triều thì có hai nhà Nguyên Ngụy, chia ra phía Đông, phía Tây, nhà Chu họ Vũ Văn , nhà Tề họ Cao . Kịp tới nhà Tuỳ Văn Đế thâu gồm một cõi, nhưng truyền được hai đời thì mất giềng mối ( mất quyền làm vua ) .

Bắc triều thì nhà Ngụy vốn họ Thát Bạt, sau đổi ra họ Nguyên, lại chia ra Đông Ngụy và Tây Ngụy: Châu Vũ Văn Giác, Cao Tề, đóng đô ở Kiến Nghiệp. Nam Bắc triều Tổng cộng được 168 năm ( 420 – 588 ) .

Về Sử Trung hoa ta dừng lại đây, sẽ nói tiếp ở lớp lớn hơn.

Từ trước tới nay thì có: Bàn Cổ, Tam Hoàng, Ngũ Đế, Hạ, Thương, Chu, Tần, Hán, Tấn, Tuỳ, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh, Trung Hoa Dân quốc, Trung Cộng . )

1 .- Từ Bàn Cổ tới Ngũ Đế được coi là thời Huyền sử: giai đoạn ( sáng tạo ) hình thành văn hoá nông nghiệp. Từ đầu cho đến Hiên Viên Hoàng Đế là Việt Nho thuần chủng.

2.- Từ Hoàng Đế tới thời Xuân Thu là Vương Nho hay Việt Nho. Nền vương đạo này đi với nông nghiệp vì có những đức tính như: nặng về tình cảm, không đàn áp đàn bà, óc công thủ thay cho đẳng cấp hay đặc ân, đề cao kinh nghiệm ( trọng xỉ ) hơn là sức mạnh tức là đặt văn trên võ.

3 .- Sau Xuân Thu trở đi là Hán Nho, tuy cũng nông nghiệp, nhưng có thêm các yếu tố du mục, như: quá nặng về lý trí, đề cao tù trưởng ( vua ) đến độ chuyên chế, đàn áp đàn bà, đặt ra các quyền đặc ân kèm theo giai cấp. Ta gọi đó là nền Bá đạo.

### Bài thứ Năm Mười

讀                      史                      者  
**Độc:** đọc      **Sử:** sách chép việc đã qua      **Giả:** kẻ, người

考                      實                      錄  
**Khảo:** tra xét      **Thực:** thật thà, đầy đủ      **Lục:** Bản chép

通                      古                      金  
**Thông:** đi suốt qua      **Cổ:** ngày xưa      **Kim:** đời nay

若 親 目  
Nhược: như Thân: gần gũi Mục: mắt

口 而 誦  
Khẩu: miệng Nhi: thì Tụng: đọc

心 而 推  
Tâm: lòng, cái gì thuộc về nghĩ ngợi lo lắng Nhi: thì Suy: chọn

朝 於 斯  
Triêu: ban sáng Ứ: ở Ty: ( tư ): cái ấy

夕 於 斤  
Tịch: buổi chiều Ứ: ở Ty: ở đó

### Diễn âm

Độc sử giả, khảo thực lục, thông cổ kim, nhược thân mục, khẩu nhi tụng, tâm nhi suy, triêu ư ty, tịch ư ty.

### Diễn nghĩa

*kể* đọc sử, phải tra xét bốn chép sự thật, để lâu thông chuyên đời xưa, chuyện đời nay dường như gần trước mắt. Miệng thì đọc, lòng thì suy nghĩ chọn lựa, ban sáng và buổi chiều đều theo đó mà đọc mà suy.

Có hai điều phải lưu : một là phải chọn bản ( sách ) có giá trị , hai là phải biết suy nghĩ kỹ càng để chọn lựa những điều đáng tin.

### Bài thứ Năm Mười Một

幼 而 学  
Ấu: lúc còn trẻ Nhi: thì Học: Chịu thầy dạy cho đạo lý; tập cho nghề nghiệp; bắt chước

壯 而 行  
Tráng: Lớn ( 30 tuổi ) Nhi: thì Hành: làm; thực hiện những điều đã học.

上 致 君  
Thượng: trên Trí: Giúp, đem đến nơi Quân: vua; người làm chủ nước.

下 澤 民  
Hạ: dưới Trạch: chọn lựa Dân: người trong nước

揚 聲 名  
Dương: Dấy lên Thanh : danh tiếng Danh: tên

顯 父 母  
Hiển: rõ ràng, có danh vọng Phụ: cha Mẫu: mẹ

光 於 前  
Quang: ánh sáng, vẻ vang U: về Tiên: đời trước

垂 於 後  
Thùy: Để lại U: tới Hậu: đời sau

### Diễn âm

Áu nhi học, tráng nhi hành, thượng trí quân, hạ trạch dân, dương thanh danh, hiển phụ mẫu, quang ư tiên, thùy ư hậu.

### Diễn nghĩa

Lúc nhỏ thì phải học, lớn lên thì đem ra mà hành, trên nên giúp vua, dưới mưu ích cho dân, tiếng tăm mình sẽ nổi lên, làm vẻ vang cha mẹ, rạng rỡ đời trước, truyền lại đến đời sau .

Cải học không chỉ để có việc làm tốt, có nhiều tiền của vật chất, mà lưu tâm đến vấn đề tinh thần, như việc giúp nước và mưu ích cho nhân dân, và làm rạng danh các thế hệ (đời trước, mình, đời sau) Con đường đặt nặng về tinh thần trước này nếu thành đạt sẽ lôi kéo theo của cải vật chất, còn đi vào con đường vật chất mà không lưu tâm về tinh thần, thì khó thoát khỏi cảnh suy thoái, khi đó có giàu sang mấy cũng sẽ bị đổ nát.

### Bài thứ Năm Mười Hai

人 遺 子  
Nhân: người ta Di: để lại Tử: con cái

金 滿 簾  
Kim: vàng Mãn: đầy Doanh: rương

我 教 子  
Ngã: ta Giáo: dạy Tử: con cái

惟 一 經  
Duy: chỉ có Nhất: một Kinh: Bộ sách Kinh Điển

勤 有 功  
Cần: siêng năng học hành Hữu: Có Công: sự nghiệp; thành quả

戲 無 益  
Hý: chơi bời Vô: không có Ích: có lợi, thêm nhiều lên

戒 之 哉  
Giái ( giới ): Lời khuyên răn; lời căn dặn Chi: đó Tai: Vậy thay

宜 勉 力  
Nghĩ: nên Miễn: gắng Lực: sức

#### Diễn âm

Nhân di tử, Kim mẫn doanh, ngã giáo tử, duy nhất Kinh. Cần hữu công, hý vô ích, Giái chi tai, nghĩ miễn lực.

#### Diễn nghĩa

Người ta để lại cho con vàng đầy rương, ta chỉ dạy cho con một bộ sách Kinh Điển. Siêng năng học hành là nên công ( sự nghiệp ), chơi bời lêu lổng là vô ích. Đó là lời khuyên răn, các trò nên gắng sức.

**Kinh Điển là bộ sách chứa nền Minh triết, tức là những sự khôn ngoan của Tổ tiên để lại.** Dạy Kinh điển có mục đích để được **thành Nhân** và **thành Thân** . Đã thành Nhân thì sẽ thành Thân, ngày nay người ta chú trọng nhiều đến thành Thân, nhưng thành Thân mà sống thiếu minh triết tức là khôn ngoan chưa chắc đã thành Nhân.

## Việt Nhân

---

